

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE**

Mã hiệu: QT-VHTT.01


Gia Lâm, năm 2025

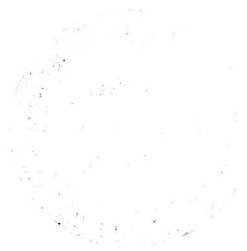
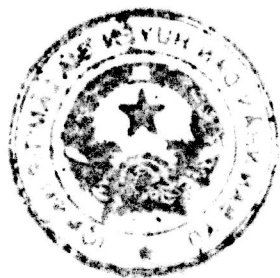
UBND HUYỆN GIA LÂM	QUY TRÌNH Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Mã hiệu: QT-VHTT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành 26/2/2025

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CÀN LƯU

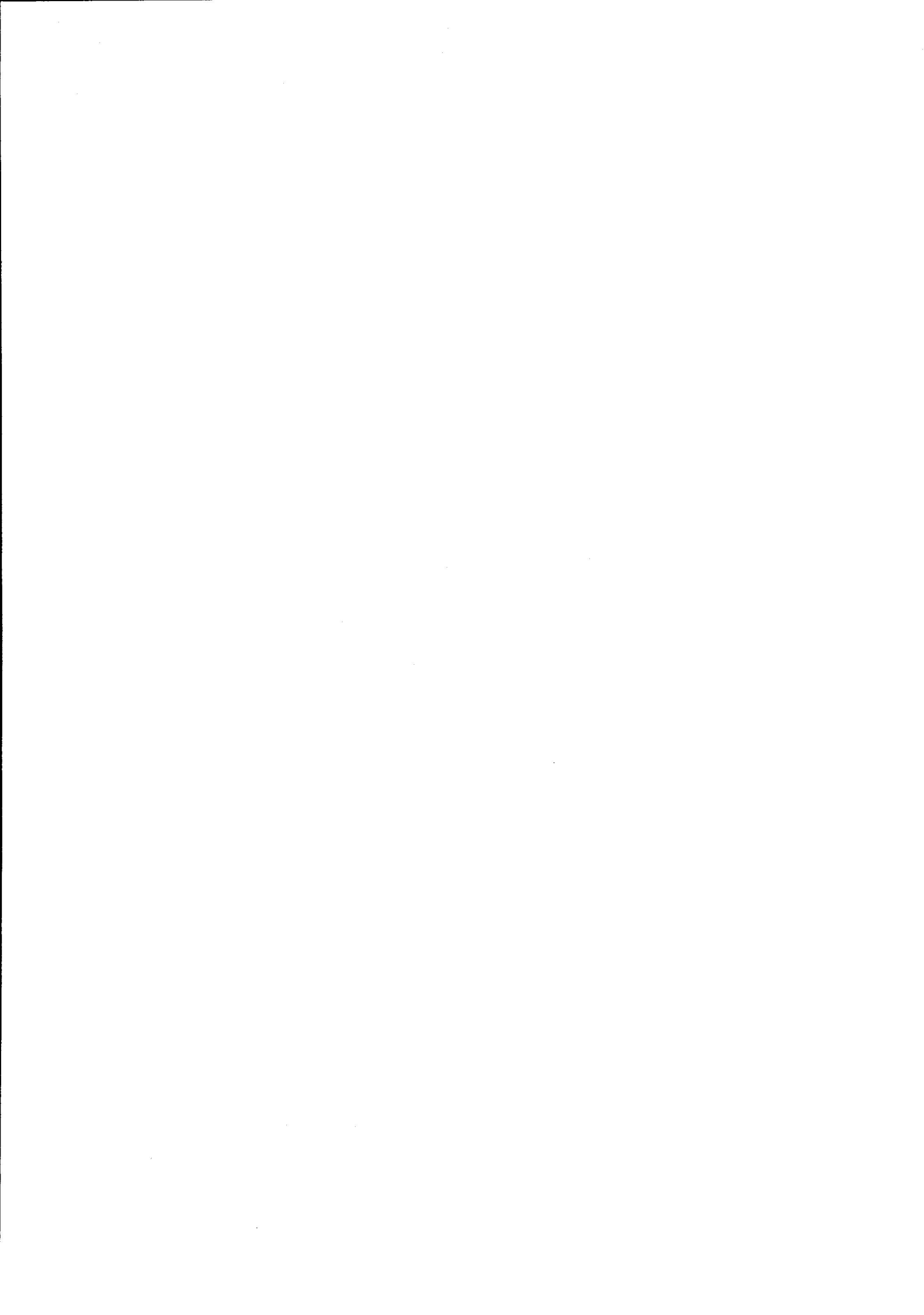
TRÁCH NHIỆM	SOẠN THẢO	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ tên	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Bùi Thị Lợi	Trương Văn Học
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Phó trưởng phòng	Phó Chủ tịch



UBND HUYỆN GIA LÂM	QUY TRÌNH Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Mã hiệu: QT-VHTT. 01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành 26/2/2025

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Sửa đổi	Trang 4/ Phần 5.1	Sửa đổi cơ sở pháp lý phù hợp với quy định hiện tại của thủ tục hành chính (từ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội)	04/01	22/4/2024
Sửa đổi	Trang 5/ Phần 5.1	Sửa đổi cơ sở pháp lý phù hợp với quy định hiện tại của thủ tục hành chính: (Từ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. đến Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) (Từ Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND thành phố Hà Nội đến Quyết định số 6715/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội) (Từ Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội đến	05/02	26/2/2025



UBND HUYỆN GIA LÂM	QUY TRÌNH Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Mã hiệu: QT-VHTT. 01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành 26/2/2025

		Quyết định số 6715/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 và Quyết định số 421/QĐ – UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội)		
Sửa đổi	Trang 5/Phần 5.2	Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Từ Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ đến Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024).	05/02	26/2/2025
Sửa đổi	Trang 6/Phần 5.4	Thời gian xử lý hồ sơ từ 05 ngày chuyển thành 10 ngày	05/02	26/2/2025
Sửa đổi	Trang 6,7,8/Phần 5.7	Quy trình xử lý hồ sơ: từ 8 bước lên 12 bước	05/02	26/2/2025
Bổ sung	Trang 8/Phần 6	Biểu mẫu: Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu 02 tại Phụ lục theo Nghị định 148/2024/NĐ-CP)	05/02	26/2/2025
Bổ sung	Trang 9/Phần 7	Hồ sơ lưu: Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định	05/02	26/2/2025



UBND HUYỆN GIA LÂM	QUY TRÌNH Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Mã hiệu: QT-VHTT. 01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành 26/2/2025

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này quy định nội dung trình tự, thẩm định thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với thủ tục: doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật xin cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke

Cán bộ, công chức thuộc phòng Văn hóa và Thông tin, các phòng/cơ quan liên quan thuộc UBND huyện chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

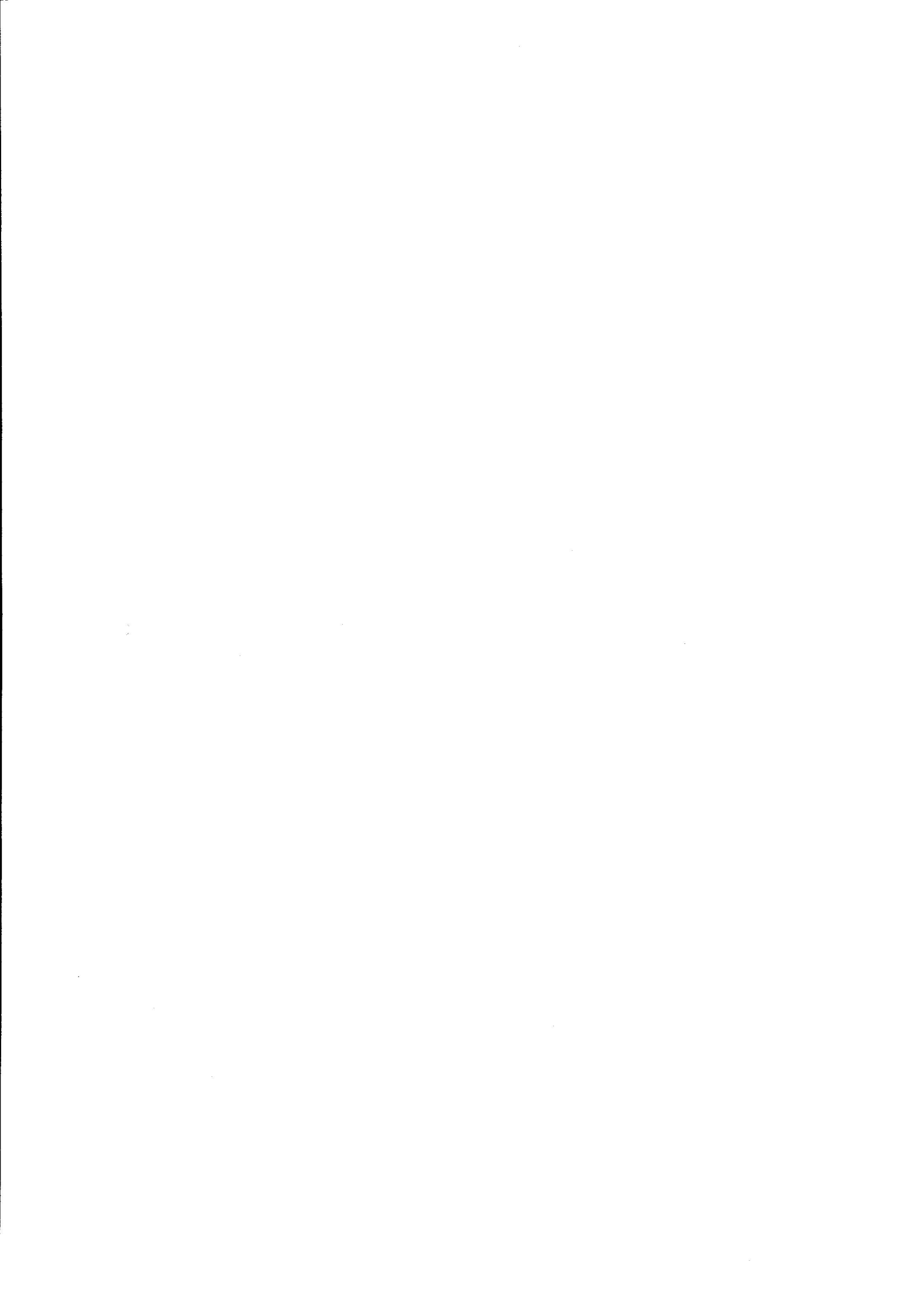
- UBND: Ủy ban nhân dân
- TTHC: Thủ tục hành chính
- VH&TT: Văn hóa & Thông tin
- Bộ phận Một cửa: Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính huyện Gia Lâm



UBND HUYỆN GIA LÂM	QUY TRÌNH Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Mã hiệu: QT-VHTT. 01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành 26/2/2025

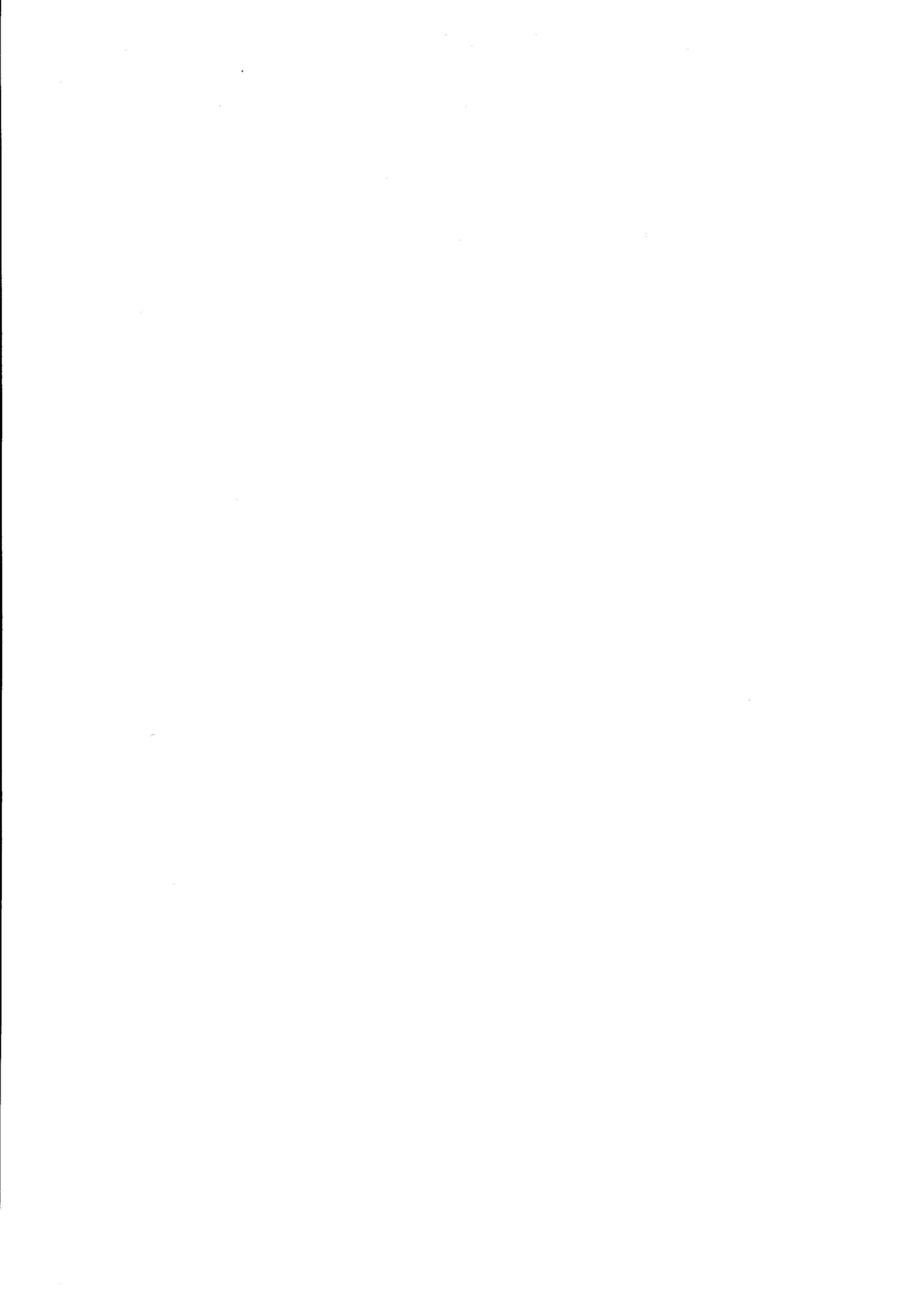
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>2. Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/06/2019 của Chính phủ quy định về kinh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>3. Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</p> <p>4. Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>5. Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phân cấp việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>6. Quyết định số 6715/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.</p> <p>7. Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p>		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024).	x	
	2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.		x
5.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		



UBND HUYỆN GIA LÂM	QUY TRÌNH Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Mã hiệu: QT-VHTT. 01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành 26/2/2025

5.4	Thời gian xử lý			
	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Văn hóa và Thông tin có văn bản thông báo yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ			
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết (TN&TKQ) TTHC của UBND cấp huyện (Bộ phận Một cửa). - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính công ích. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công thành phố Hà Nội (<i>dichvucong.hanoi.gov.vn</i>). 			
5.6	Lệ phí			
	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01 đến 03 phòng, mức thu lệ phí là 4.000.000 đồng/giấy. - Từ 04 đến 05 phòng, mức thu lệ phí là 6.000.000 đồng/giấy. - Từ 06 phòng trở lên, mức thu lệ phí là 12.000.000 đồng/giấy. 			
5.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p>Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ thiếu, không hợp lệ: từ chối tiếp nhận và hướng dẫn Tổ chức/hộ kinh doanh hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ chuyển Phòng Văn hóa và Thông tin thẩm định 	Tổ chức/ hộ kinh doanh; Bộ phận Một cửa	½ ngày	<ul style="list-style-type: none"> - BM -VHTT.01.01 - Mẫu số 02 - Mẫu số 01 - Mẫu số 06
B2	Lãnh đạo phòng Văn hóa và Thông tin tiếp nhận hồ sơ. Giao chuyên viên chuyên môn xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VH&TT	½ ngày	Mẫu số 05



UBND HUYỆN GIA LÂM	QUY TRÌNH Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Mã hiệu: QT-VHTT. 01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành 26/2/2025

B3	Tham mưu UBND Huyện thành lập Đoàn Thẩm định thực tế tại địa điểm kinh doanh dịch vụ karaoke	Chuyên viên Phòng VH&TT	02 ngày	Dự thảo Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định
B4	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, ký duyệt trình Lãnh đạo UBND Huyện	Lãnh đạo Phòng VH&TT	½ ngày	
B5	Xem xét, ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	½ ngày	Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định
B6	Đoàn Thẩm định thẩm định điều kiện các điều kiện hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật và ban hành kết quả thẩm định	Đoàn thẩm định	03 ngày	BM-VHTT.01.03
B7	Căn cứ kết quả thẩm định, dự thảo tờ trình và Giấy phép - Nếu hồ sơ không hợp lệ: Có văn bản trả lời Tổ chức/hộ kinh doanh và nêu rõ lý do - Nếu hồ sơ hợp lệ: Hoàn thiện hồ sơ, Dự thảo Giấy phép, tờ trình thẩm định gửi lãnh đạo phòng.	Chuyên viên Phòng VH&TT	1½ ngày	- Mẫu số 05 - Mẫu số 06 - Dự thảo tờ trình thẩm định, Dự thảo Giấy phép
B8	Lãnh đạo phòng kiểm tra nội dung Kết quả thẩm định, tờ trình thẩm định, dự thảo giấy phép, công văn trả lời tổ chức/công dân (nếu có): - Nếu đủ điều kiện cấp phép, ký xác nhận hồ sơ trình lãnh đạo UBND Huyện xem xét phê duyệt - Nếu không đủ điều kiện cấp phép phải có công văn nêu rõ lý do không cấp phép chuyển Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trả lời cho tổ chức/công dân.	Lãnh đạo Phòng VH&TT	½ ngày	



UBND HUYỆN GIA LÂM	QUY TRÌNH Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Mã hiệu: QT-VHTT. 01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành 26/2/2025

B9	Lãnh đạo UBND Huyện xem xét và ký phê duyệt. Trường hợp không đồng ý chuyển lại lãnh đạo Phòng VH&TT xử lý	Lãnh đạo UBND huyện	½ ngày	
B10	Tiếp nhận kết quả: - Hoàn thiện hồ sơ vào sổ theo dõi - Lưu hồ sơ tại phòng chuyên môn	Chuyên viên Phòng VH&TT	½ ngày	BM-VHTT.01.02
B11	Trả kết quả cho tổ chức/công dân theo phiếu hẹn	Bộ phận Một cửa		
B12	Thống kê và theo dõi Chuyên viên UBND huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	- Mẫu số 05 - Mẫu số 06

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
I. Các biểu mẫu chung theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP		
1	Mẫu số 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	Mẫu số 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	Mẫu số 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	Mẫu số 04	Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả lại kết quả
5	Mẫu số 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
6	Mẫu số 06	Sổ theo dõi hồ sơ
II. Biểu mẫu chuyên môn kèm theo Quy trình		
1	BM-VHTT.01.01	Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke
2	BM-VHTT.01.02	Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu 02 tại Phụ lục theo Nghị định 148/2024/NĐ-CP)



UBND HUYỆN GIA LÂM	QUY TRÌNH Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Mã hiệu: QT-VHTT. 01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành 26/2/2025

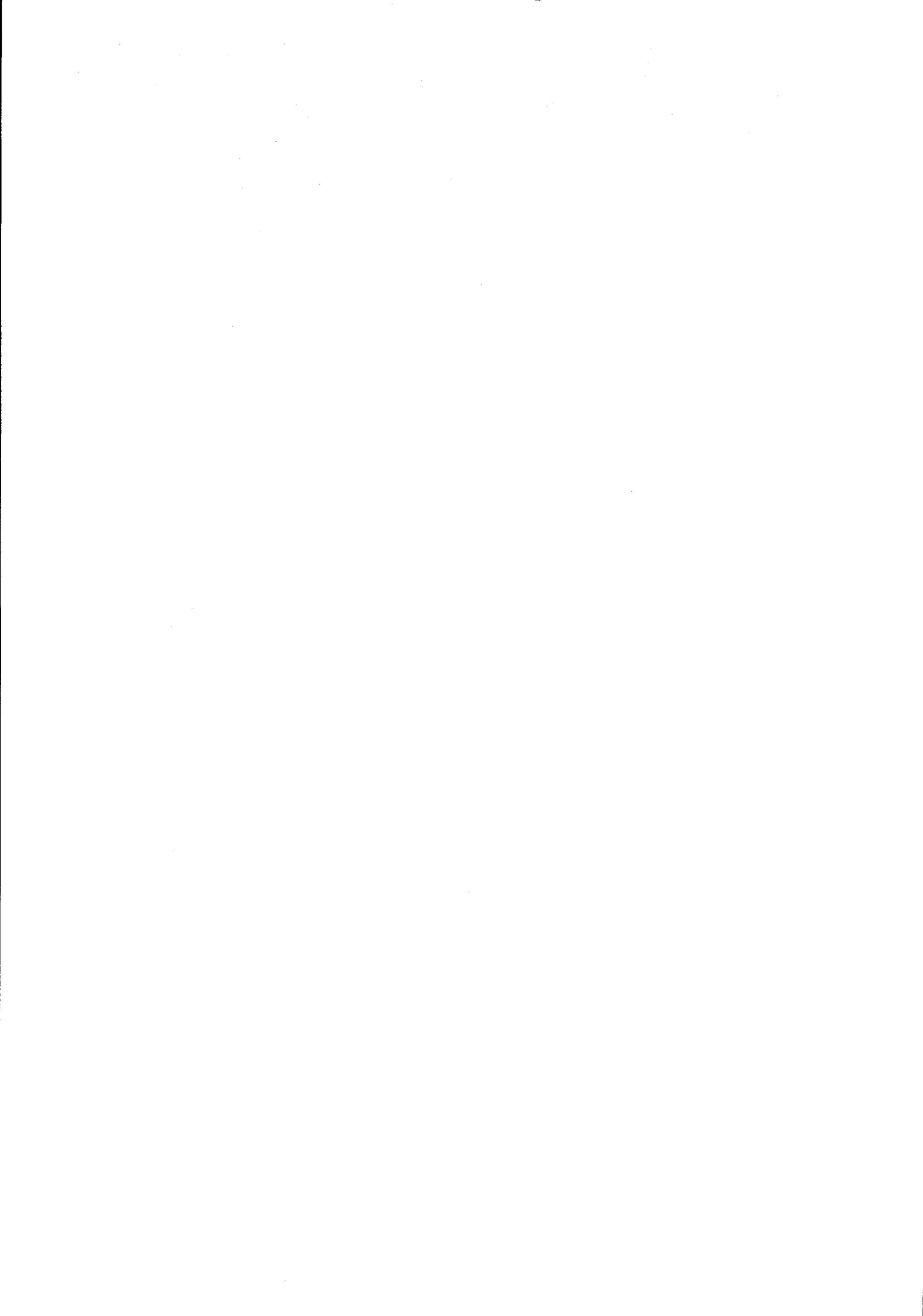
3	BM-VHTT.01.03	Biên bản thẩm định điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 05 tại Phụ lục theo Nghị định 148/2024/NĐCP)
---	---------------	--

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ cấp mới giấy phép kinh doanh Karaoke:

TT	Hồ sơ lưu
1.	Như mục 5.2
2.	Quyết định thành lập Đoàn Thẩm định
3.	Biên bản thẩm định
4.	Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke (bản sao)

Hồ sơ được lưu tại Phòng Văn hóa và Thông tin, thời gian lưu theo quy định của pháp luật hiện hành



...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số:/.....

..... ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE

Kính gửi:..... (2)

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh :.....

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sốdo..... cấp ngày tháng năm

Mã số:

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ:

STT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m2)

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có):

Điện thoại:.....Fax:.....

Tài liệu kèm theo.....(3).....

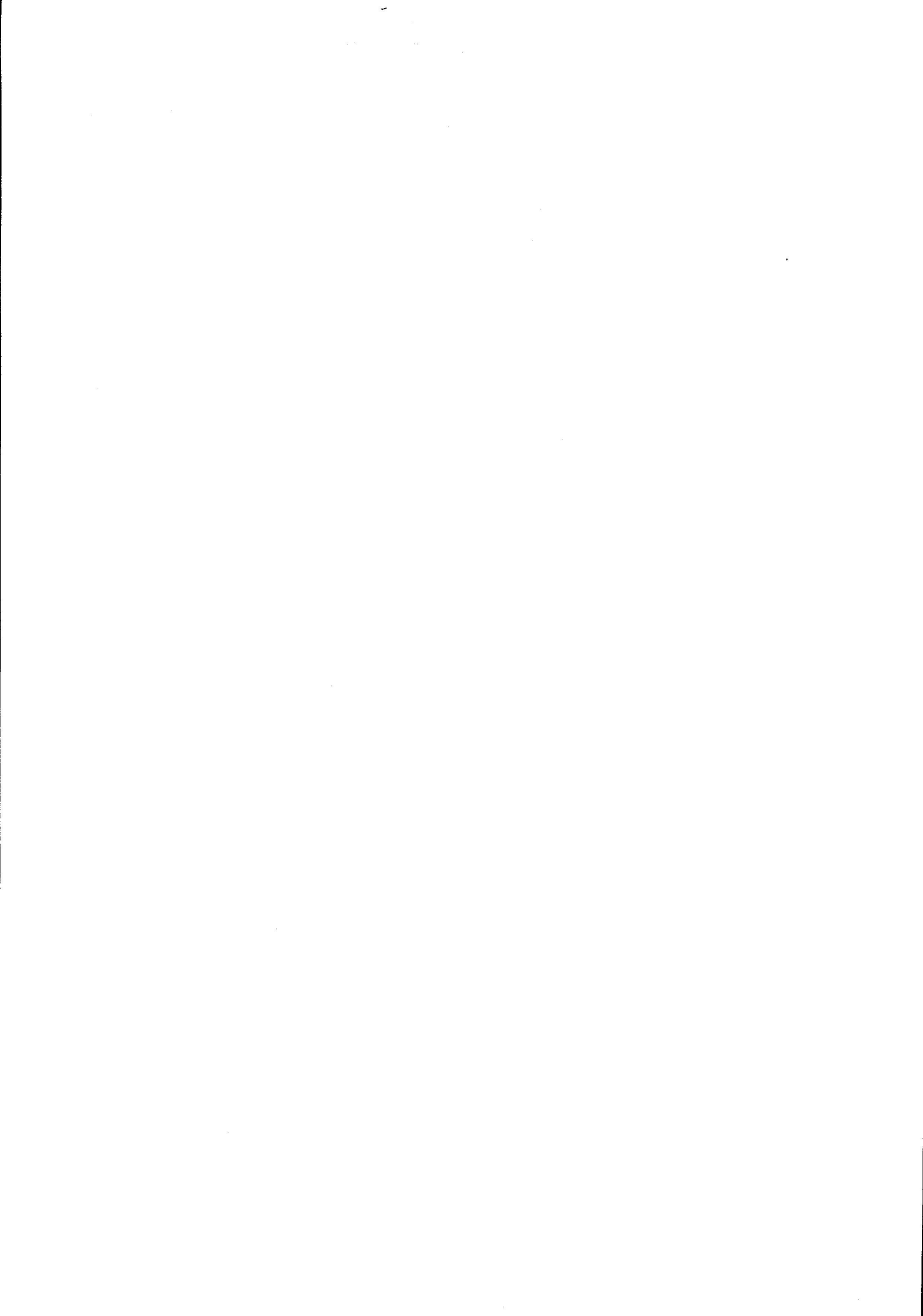
... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo



...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-....

....., ngày tháng ... năm

GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Căn cứ.....(2).....;

Căn cứ Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số.....ngày... tháng... năm.....của.....(3).....;

Theo đề nghị của.....(4).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường

Cho phép:(3).....

Địa chỉ trụ sở chính tại

Điện thoại:Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngày.....thángnăm

Mã số:

Được phép kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ:..

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có):

Số lượng phòng:

Điện thoại:Fax:

STT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m ²)

Điều 2. Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm.....

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

....(3)... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

-(3).....;
-(5).....;
- Lưu: VT,(4).....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI

KÝ

(Chữ ký, dấu)

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
- (2) Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh.
- (3) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
- (4) Tên cơ quan, đơn vị trình.
- (5) Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi giấy phép.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Thẩm định điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (dịch vụ vũ trường)

Căn cứ Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Căn cứ Nghị định sốngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Thực hiện theo Quyết định số... ngày... tháng... năm.... của.....¹

Thời gian:giờ.....phút, ngày tháng năm

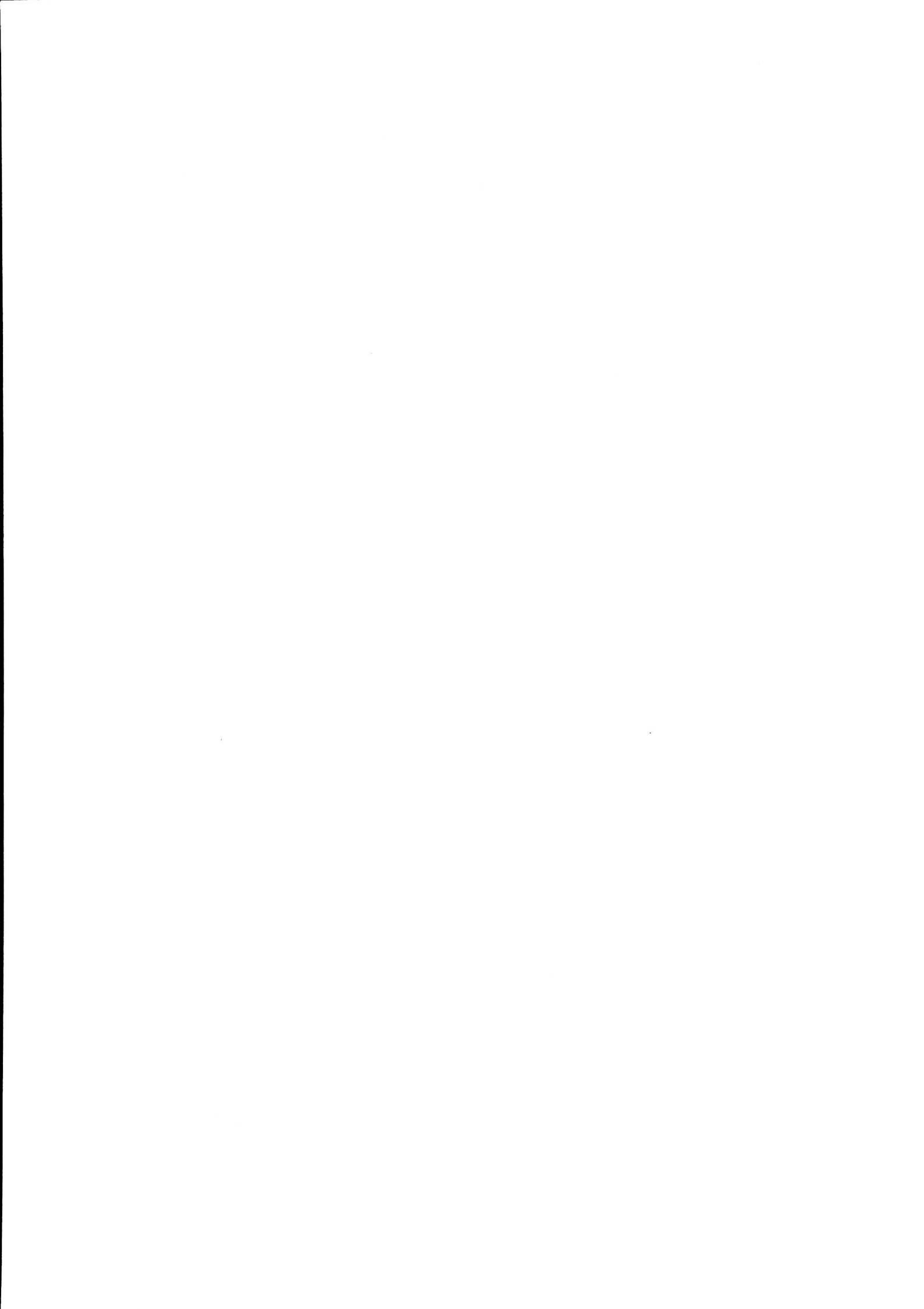
Địa điểm:²

Đoàn thẩm định gồm có:

- | | |
|--------|-------------|
| 1..... | Trưởng đoàn |
| 2..... | Thành viên |
| 3..... | Thành viên |
| 4..... | Thành viên |
| 5..... | Thành viên |
| 6..... | Thành viên |
| 7..... | Thư ký |

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường tại:

- Doanh nghiệp/hộ kinh doanh:³.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sốdocấp ngày.....tháng năm.....
- Người đại diện theo pháp luật:
- Đại diện doanh nghiệp/hộ kinh doanh:
- Địa chỉ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường:
- Điện thoại



I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

TT	Nội dung	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
1	Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật			
2	Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.			
3	- Phòng hát phải có diện tích sử dụng từ 20 m ² trở lên, không kể công trình phụ (Đối với dịch vụ karaoke) - Phòng vũ trường phải có diện tích sử dụng từ 80 m ² trở lên, không kể công trình phụ (Đối với dịch vụ vũ trường)			
4	Không được đặt chốt cửa bên trong phòng hát hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ)			
5	Địa điểm kinh doanh phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa từ 200 m trở lên (Đối với dịch vụ vũ trường)			

II. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ CỤ THỂ

1. Nhận xét

a) Điều kiện thứ nhất:

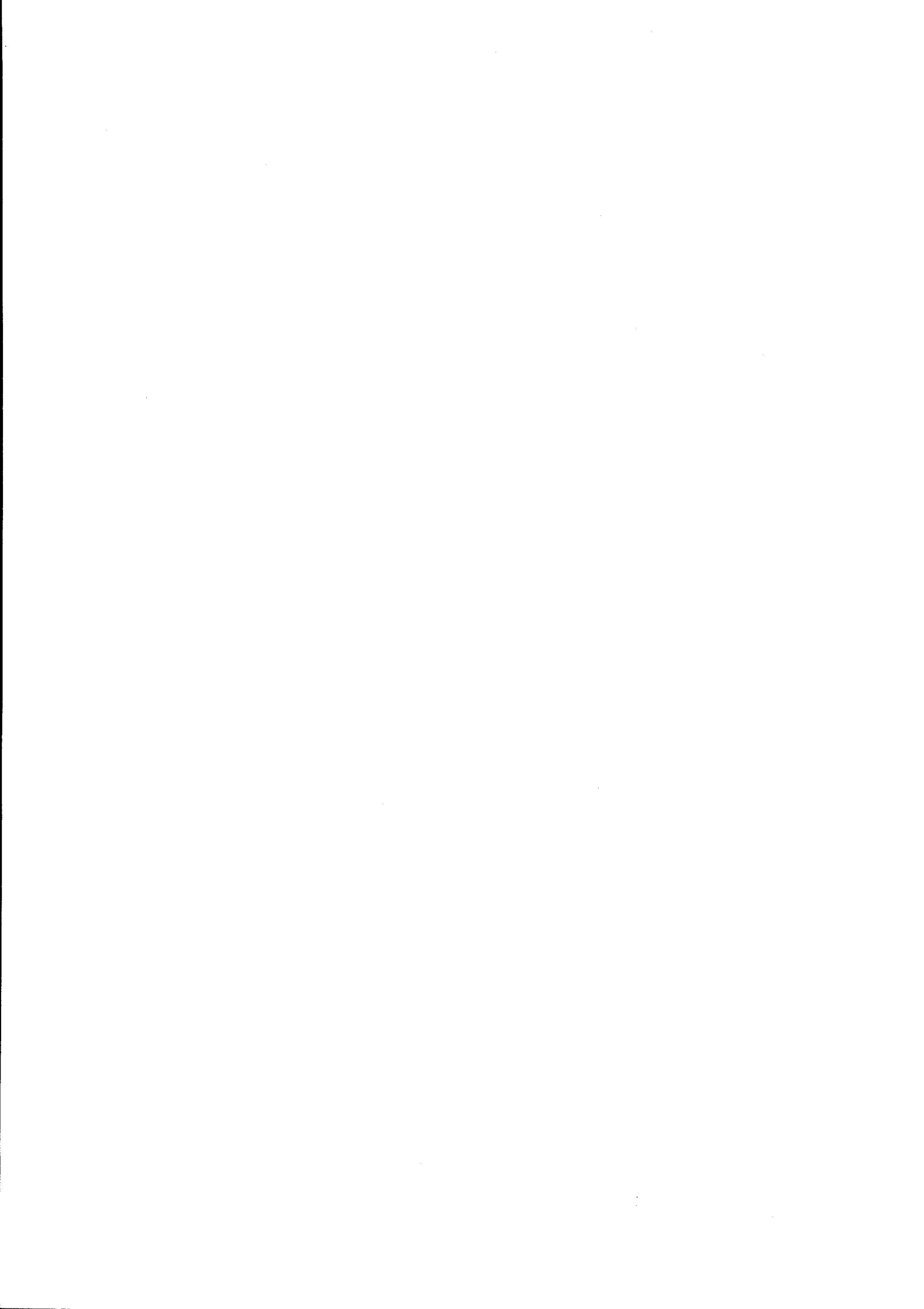
.....

.....

.....

b) Điều kiện thứ hai:

.....



.....
.....

c) Điều kiện thứ ba:

.....
.....
.....

d) Điều kiện thứ tư:

.....
.....
.....

đ) Điều kiện thứ năm:

.....
.....
.....

2. Kiến nghị:

.....
.....
.....

3. Kết luận:

(Cơ sở “Đủ điều kiện” khi 100% các tiêu chí được đánh giá đạt; cơ sở “Không đủ điều kiện” khi có 1 tiêu chí đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đủ điều kiện

Không đủ điều kiện

Biên bản kết thúc lúc:....giờ.... phút, ngày... tháng... năm.....và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

-
- ¹ Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh.
² Địa điểm kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.
³ Tên doanh nghiệp, hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép.

